

Bản án số: 115/2024/HS-PT

Ngày 27/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1119/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Huỳnh Bá V, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 298/2023/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Bá V, sinh năm 1953; nơi đăng ký HKTT: Lô H B khu E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Đ4; trình độ học vấn: 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Bá C và bà Hà Thị T; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Lê Văn Đ, Luật sư Trần Văn T1 - Văn phòng L3, Đoàn Luật sư thành phố H. Luật sư Đ vắng mặt, Luật sư T1 có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần Đ4; địa chỉ: H đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức L – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B – Cổ đông Công ty. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, hành vi của bị cáo được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đ4 (sau đây viết tắt là Công ty E), địa chỉ: số H phố T, H, Hà Nội, được Sở K cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, MST: 0103021027, ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư tài chính, mua bán doanh nghiệp, bất động sản... đăng ký lần đầu ngày 03/12/2007, vốn điều lệ: 20 tỷ đồng, trong đó N3 là doanh nghiệp nhà nước góp vốn chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ, còn lại là các cổ đông khác. Năm 2010, Công ty T7 vốn điều lệ lên 134,257 tỷ đồng, N3 góp vốn 13,94 tỷ đồng, chiếm 10,38% vốn điều lệ. Đến ngày 20/11/2017, N3 đã thoái hết vốn tại Công ty E.

Từ tháng 7/2014 đến ngày 26/11/2018, Huỳnh Bá V là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, chủ tài khoản của Công ty E theo Quyết định bổ nhiệm cán bộ số 586/QĐ-TCNS ngày 27/6/2014 của Nhà xuất bản Việt Nam. Bùi Văn D làm kế toán trưởng của Công ty E. Trong thời gian từ ngày 22/6/2015 đến ngày 9/12/2017, Bùi Văn D đã tự ý lập 91 ủy nhiệm chi chuyển tổng số tiền 83.950.000.000đ từ 02 tài khoản của Công ty (tài khoản số 1002116250 mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H4 và tài khoản số 10116616 tại Ngân hàng TNHH MTV D2 - Chi nhánh T8) đến các tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N (là bạn của D), D chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Ngày 14/12/2017, Bùi Văn D đã chết tại khu vực chùa Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi D chết, Công ty E kiểm tra lại mới phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của D như trên. Ngày 26/11/2018, Huỳnh Bá V thôi giữ chức Giám đốc Công ty theo Quyết định miễn nhiệm cán bộ số 12/QĐ-TCGD.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại các Ngân hàng, các Công ty chứng khoán liên quan, kết quả:

1. Xác minh tại Ngân hàng TMCP S (S1).

Ngày 05/6/2012, Công ty E mở tài khoản tiền gửi thanh toán số 1002116250 tại S1 - Trung tâm kinh doanh, chủ tài khoản là bà Lã Thị Vân A. Đến ngày 22/7/2014, Công ty E đã đăng ký thay đổi chủ tài khoản là ông Huỳnh Bá V - Giám đốc Công ty, thông báo biến động tài khoản số 1002116250 được S1 gửi thông báo bằng tin nhắn SMS vào các số điện thoại của Huỳnh Bá V (0903505082), Bùi Văn D (0938683579), Nguyễn Thị Hồng Đ1 - Phó Giám đốc (0902219986). Ngày 02/02/2016, Công ty E có văn bản do Huỳnh Bá V ký có nội dung đề nghị thay đổi số điện thoại nhận tin nhắn SMS thông báo biến động tài khoản là 02 số điện thoại 0938683579, 0979727784 (đều của Bùi Văn D).

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Công ty E đã thực hiện 69 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 65.350.000.000đ từ tài khoản số 10116616 của Công ty tại Ngân hàng S1 đến tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N1, cụ thể:

- Chuyển số tiền 29.000.000.000 đồng đến tài khoản số 020025291663 của D mở tại Ngân hàng S2 - Chi nhánh H5.

- Chuyển 1.650.000.000 đồng đến tài khoản số 1009818988 của D tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh H4.

- Chuyển số tiền 30.400.000.000 đồng đến tài khoản chứng khoán số 058C131369 của D mở tại Công ty cổ phần C1.

- Chuyển 3.800.000.000 đồng đến tài khoản chứng khoán số 082C128376 của N1 mở tại Công ty cổ phần C2.

- Chuyển 500.000.000 đồng đến tài khoản số 12210000458342 của D tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh H6.

2. Xác minh tại Ngân hàng TNHH MTV D2 (G).

Ngày 24/7/2014, Công ty E mở tài khoản số 10116616 tại G Chi nhánh T8, người đại diện pháp luật, chủ tài khoản là Huỳnh Bá V - Giám đốc Công ty. Việc thông báo các phát sinh giao dịch của tài khoản số 10116616 đều được Ngân hàng báo vào điện thoại 0938683578 của Bùi Văn D.

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Công ty E đã thực hiện 22 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 18.600.000.000 đồng đến tài khoản cá nhân của Bùi Văn D, cụ thể:

- Chuyển số tiền 13.500.000.000 đồng đến tài khoản số 020025291663 của Bùi Văn D mở tại Ngân hàng S2 - Chi nhánh H5.

- Chuyển số tiền 5.100.000.000 đồng đến tài khoản chứng khoán số 058C131369 của D mở tại Công ty cổ phần C1.

3. Xác minh tại Ngân hàng B1, Ngân hàng S2, Ngân hàng S1, Công ty cổ phần C1, Công ty cổ phần C2.

Sau khi chuyển số tiền 83.950.000.000 đồng đến các tài khoản của D và N1 nêu trên, Bùi Văn D tiếp tục chuyển tiền đến nhiều số tài khoản cá nhân của D tại các Ngân hàng S2, B1, T9 và một số tài khoản của các Công ty, cá nhân khác như sau:

- Chuyển 13.336.844.000 đồng đến tài khoản của D mở tại Công ty cổ phần C3 (Ví điện tử Vimô).

- Chuyển 27.470.478.000 đồng đến Công ty cổ phần T10 (N4).

- Chuyển 8.253.000.000 đồng đến tài khoản của D tại Ngân hàng T9.

- Chuyển 1.703.000.000 đồng đến tài khoản của D tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh H4.

- Chuyển 360.000.000 đồng đến Ngân hàng S2 - Phòng G1.

- Chuyển 320.000.000 đồng đến Ngân hàng S2 - Chi nhánh H5.

- Chuyển 700.000.000 đồng đến tài khoản chứng khoán số 058C366869 của Công ty E mở tại Công ty cổ phần C1.

- Mua chứng khoán bằng tài khoản chứng khoán số 058C131369 của D mở tại Công ty cổ phần C1 với số tiền là 2.664.649.348 đồng.

- Chuyển đến tài khoản chứng khoán số 082C128376 mang tên Nguyễn Văn N mở tại Công ty cổ phần C2 với số tiền là 1.530.000.000 đồng.

- Rút tiền mặt với số tiền là 1.210.000.000 đồng.

- Thanh toán thẻ tín dụng S2, thẻ tín dụng HSBC và thẻ tín dụng ANZ với số tiền là 994.925.396 đồng.

- Chuyển 282.000.000 đồng đến tài khoản của Công ty E mở tại Ngân hàng G.

- Ngoài ra Bùi Văn D còn chuyển tiền cho một số cá nhân gồm Nguyễn Văn N, Phạm Ngọc M, Vũ Hồng Đ2, Trần Thanh T2, Trần Phương A1.

4. Xác minh tại Công ty cổ phần T10, Công ty cổ phần C3 và Công ty cổ phần N5:

Ngày 24/7/2014, Bùi Văn D mở tài khoản tại Công ty cổ phần C3; ngày 08/01/2015, Bùi Văn D1 mở tài khoản tại Công ty cổ phần T10 (N4). Trong thời gian hoạt động, tài khoản này đã nhận được tiền từ tài khoản số 020025291663 của Bùi Văn D mở tại Ngân hàng S2 với tổng số tiền 43.566.844.000 đồng có nguồn gốc được D chuyển từ tài khoản của Công ty cổ phần Đ4. Sau khi chuyển tổng số tiền 43.566.844.000 đồng đến tài khoản ví V1 và Công ty cổ phần T10 (N4), Bùi Văn D tiếp tục chuyển toàn bộ số tiền trên về Công ty cổ phần N6 lượng.

Xác minh tại Công ty cổ phần N6 lượng: Số tiền 43.566.844.000 đồng nêu trên khi chuyển từ tài khoản Ngân hàng của D đến tài khoản ví điện tử của D có 22 giao dịch không thành công với số tiền là 3.284.400.000 đồng, số tiền thực tế D chuyển đến Công ty cổ phần N5 là 40.282.444.000 đồng. Theo lệnh chuyển tiền của D, Công ty cổ phần N6 lượng đã chuyển số tiền trên đến 16 tài khoản cá nhân của 04 đối tượng, cụ thể như sau:

- Chuyển đến 03 tài khoản cá nhân của Lã Tùng T3 số tiền 3.533.575.000 đồng.

- Chuyển đến 05 tài khoản cá nhân của Lại Bồi An số tiền 10.327.169.000 đồng.

- Chuyển đến 05 tài khoản cá nhân của Lạc Thiên L1 số tiền 19.078.100.000 đồng.

- Chuyển đến 03 tài khoản cá nhân của Cung Thị Thanh T4 số tiền là 7.343.600.000 đồng.

Các đối tượng Lã Tùng T3, Lại B, Lạc Thiên L1, Cung Thị Thanh T4 đã bị Cục C4 - Bộ C5 khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tổ chức đánh bạc qua mạng internet.

5. Xác minh tại Công ty TNHH K1 (Sau đây viết tắt là Công ty K1).

Ngày 23/12/2016, Công ty K1 ký hợp đồng kiểm toán số 281/2016/HĐKT với Công ty E với nội dung kiểm toán báo cáo tài chính các năm 2015, 2016 của Công ty E. Trong quá trình thực hiện việc xác minh tiền gửi tại Ngân hàng, Công ty K1 không nhận được Thư xác nhận của Ngân hàng S1 và Ngân hàng G. Công

ty K1 được Bùi Văn D cung cấp các giấy xác nhận số dư năm 2015, 2016 của Công ty tại Ngân hàng S1 và Ngân hàng G. Trên giấy xác nhận này đều có chữ ký, đóng dấu của Ngân hàng và của Công ty. Do vậy Công ty K1 không tiến hành gửi thư xác nhận lần 2 mà sử dụng các tài liệu này để làm thủ tục thay thế và ra kết luận kiểm toán.

Cơ quan điều tra đã thu giữ với 71 ủy nhiệm chi; đơn thay đổi dịch vụ tín nhận chuyển tiền E-CORPORATION; ký các đề nghị tất toán trước hạn (liên quan đến tiền gửi tại S1) và ra Quyết định trưng cầu giám định số 669 ngày 13/7/2020, giám định chữ ký, con dấu trên 71 ủy nhiệm chi (A1 đến A71); 08 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (A72 đến A79); 08 giấy đề nghị tất toán hợp đồng tiền gửi (A80 đến A87); 02 giấy xác nhận số dư (A88, A89); 02 Thông báo xác nhận số dư tiền gửi (A90, A91). Tại Bản kết luận giám định số 8218 ngày 18/9/2020 của Phòng K2 - Công an thành phố H kết luận:

- Chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A60, từ A65 đến A67, từ A72 đến A87) với chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6, M9) là chữ do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở giám định chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V2 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A61 đến A64) với chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6, M9) có phải chữ do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A68 đến A71, từ A88 đến A91) được tạo ra bằng phương pháp đồng dấu chữ ký.

Liên quan đến tiền gửi tại Ngân hàng G, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 783 ngày 24/8/2020, giám định chữ ký, con dấu trên 21 ủy nhiệm chi (A1 đến A21); 02 đơn thay đổi dịch vụ tín nhận chuyển tiền E-CORPORATION; 01 giấy đề nghị tất toán hợp đồng tiền gửi (A25); 01 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (A26). Kết quả, tại Bản kết luận giám định số 252 ngày 06/01/2021 của Phòng K2 - Công an thành phố H kết luận:

- Chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6, từ A23 đến A26) với chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M6, M9) là chữ do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A7 đến A22) với chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M6, M9) không phải là chữ do cùng một người ký ra.

Trên cơ sở kết quả giám định nêu trên có đủ căn cứ xác định:

- Huỳnh Bá V đã ký 67 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 62.750.000.000đ từ tài khoản Công ty E mở tại Ngân hàng S1, Ngân hàng G đến các tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N.

- Không đủ cơ sở xác định Huỳnh Bá V đã ký 20 ủy nhiệm chi chuyển 18.500.000.000đ từ tài khoản Công ty E mở tại Ngân hàng S1, Ngân hàng G đến các tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N.

- 04 ủy nhiệm chi chuyển 2.700.000.000đ là dấu chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V. Xác minh tại Công ty E, Ngân hàng S1 thể hiện Huỳnh Bá V không đăng ký dấu chữ ký tại Ngân hàng S1.

- Đối với 04 ủy nhiệm chi có dấu chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Ngân hàng S1 - Chi nhánh H4, về quy trình khi khách hàng đến thực hiện ủy nhiệm chi tại Ngân hàng S1, Ngô Quỳnh A2 (Giao dịch viên) và Nguyễn Mai P (Kiểm soát viên) khẳng định đã thực hiện đầy đủ đúng quy trình, việc đối chiếu chữ ký tên ủy nhiệm chi bằng mắt thường không thể phân biệt chữ ký dấu và chữ ký thật nên không thể phát hiện được chữ ký trên một số ủy nhiệm chi là chữ ký dấu, bản thân không được hưởng lợi gì.

Tại Cơ quan điều tra, Huỳnh Bá V khai:

Trong thời gian từ tháng 7/2014 đến ngày 26/11/2018, Huỳnh Bá V làm Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty E, là chủ tài khoản số 1002116250 của Công ty tại Ngân hàng S1 và tài khoản số 10116616 tại Ngân hàng G, có nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản. Trong thời gian làm Giám đốc, Huỳnh Bá V đã thiếu kiểm tra, kiểm soát khi thực hiện chức trách nhiệm vụ quản lý điều hành Công ty, đã không kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty trong các năm 2015, 2016 do Bùi Văn D lập, chỉ yêu cầu Bùi Văn D báo cáo số dư tiền gửi bằng miệng. Đến năm 2017, Công ty thuê Công ty kiểm toán nhưng do Bùi Văn D đã làm giả các giấy xác nhận số dư tiền gửi tại Ngân hàng S1 và Ngân hàng G2 để hợp thức nên không phát hiện ra việc thất thoát tài sản. Đối với 91 ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N, Huỳnh Bá V có ký vào một số ủy nhiệm chi nhưng không phải toàn bộ. Sau khi được thông báo kết quả giám định thì mới biết bản thân ký 67 ủy nhiệm chi chuyển số tiền 62.750.000.000 đồng, V giải thích được lý do và hoàn cảnh ký những ủy nhiệm chi trên, V thừa nhận do tin tưởng Bùi Văn D nên khi D trình ký tài liệu, V không kiểm tra nội dung và ký ngay nên không biết các ủy nhiệm chi này có nội dung chuyển tiền của Công ty vào các tài khoản cá nhân của Bùi Văn D, Nguyễn Văn N. Bản thân không được hưởng lợi gì.

Đối với chữ ký đứng tên Huỳnh Bá V trên 02 đơn thay đổi số điện thoại nhận tin nhắn thông báo biến động tài khoản, kết quả giám định là chữ ký của Huỳnh Bá V. Sau khi được thông báo kết quả giám định, V khai không nhớ đã ký vào lúc nào, trong điều kiện hoàn cảnh nào. Do có thay đổi dịch vụ tin nhắn nên V không biết sự thay đổi số dư tài khoản của Công ty.

Huỳnh Bá V nhận thấy bản thân thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình với vai trò là Giám đốc, chủ tài khoản Công ty để cho Bùi Văn D thực hiện hành vi chiếm đoạt, gây thiệt hại tài sản lớn của Công ty. Ngày 23/10/2019, Huỳnh Bá V báo cáo trước Đại hội cổ đông bất thường năm 2019 về trách nhiệm của bản thân, đồng thời xin được khắc phục một phần cho Công ty E do việc thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý. Ngày 02/11/2019, Huỳnh Bá V đã nộp số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty E.

Lời khai của ông Lê Thành A3 - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), bà Nguyễn Thị Hồng Đ1 - Phó Giám đốc, bà Bùi Thị Thu L2, bà Dương Việt H - thành viên HĐQT; bà Nguyễn Thúy H1 - Trưởng ban kiểm soát:

Các thành viên của HĐQT và bà Nguyễn Thị H2 khai phù hợp với nhau về nội dung, trong năm 2015, 2016 do HĐQT không đủ thành viên và không thống nhất việc thuê đơn vị kiểm toán nên không thể thực hiện kiểm toán độc lập, Bà Nguyễn Thị H2 có yêu cầu Công ty làm báo cáo tài chính theo quy định. Tại các cuộc họp HĐQT, Bùi Văn D đều báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty không có biến động gì. Trước tháng 12/2017, HĐQT, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ báo cáo nào thể hiện sự việc chuyển tiền từ tài khoản của Công ty đến tài khoản cá nhân của Bùi Văn D, Nguyễn Văn N1.

Lời khai của chị Lê Thị V3 - Kế toán Công ty E:

Từ 2013 đến năm 2020, chị Lê Thị V3 là nhân viên Phòng Tài chính kế toán. Trong thời gian Bùi Văn D làm trưởng phòng, chị V3 chỉ được D phân công phụ trách theo dõi, hạch toán việc chi trả tiền lương, hoạt động của tòa nhà còn các phần việc khác đều do Bùi Văn D trực tiếp theo dõi, quản lý, do đó V3 không biết gì về việc Bùi Văn D lập các ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản Công ty từ năm 2015 đến năm 2017.

Lời khai của chị Nguyễn Tường V4:

Từ tháng 3/2015 đến 2017, chị Nguyễn Tường V4 được giao nhiệm vụ là nhân viên hành chính của Công ty E, công việc được giao văn thư hành chính, trực tiếp giữ con dấu và đóng dấu. Trong quá trình quản lý con dấu của Công ty và dấu chức danh của Ban lãnh đạo Công ty thì Công ty không sử dụng dấu chữ ký sẵn có của Huỳnh Bá V. Tại các ủy nhiệm chi, chị Tường V4 thấy các ủy nhiệm chi có đủ chữ ký của Huỳnh Bá V và Bùi Văn D thì chị đóng dấu Công ty dưới mục chủ tài khoản, đóng dấu xong chị V đưa lại cho D. Chị V không được D trao đổi thỏa thuận gì, không được hưởng lợi gì, khi Cơ quan điều tra xác minh chị mới biết việc Bùi Văn D đã dùng ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản Công ty vào tài khoản cá nhân.

Lời khai của Nguyễn Văn N; Lại Bồi An; Cung Thị Thanh T4; Phạm Ngọc M; Vũ Hồng Đ2; Trần Thanh T2; Trần Anh P1:

- Nguyễn Văn N khai: N có cho D mượn tài khoản Ngân hàng số 12210000474472 của N mở tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh H6 và tài khoản số 0021001447595 của N mở tại Ngân hàng V5 chi nhánh T11 để D chuyển 9.044.285.016 đồng từ tài khoản chứng khoán tại Công ty cổ phần C2 vào 02 tài khoản này, sau đó N chuyển trả lại 8.984.484.960 đồng cho D vào 02 tài khoản số 12210000458342 mở tại Ngân hàng B1 và tài khoản số 020025291663 mở tại Ngân hàng S2, còn lại 60.000.000 đồng, số tiền này là Ngọc mượn của D để sử dụng vào việc cá nhân. Đối với tài khoản chứng khoán số 082C128376 mang tên Ngọc mở tại Công ty cổ phần C2, N chưa bao giờ mở tài khoản chứng khoán tại Công ty cổ phần C2 do vậy N không biết gì về các giao dịch chứng khoán tại tài khoản này.

- Lại Bồi A4 khai: A4 được một người tên N2 (số điện thoại 0166562226) không rõ địa chỉ ở đâu thuê đứng tên 05 tài khoản Ngân hàng để giao dịch chuyển tiền, mỗi tháng trả công 5 triệu đồng. Khi tiền chuyển vào tài khoản Ngân hàng của A4 thì N2 sẽ điện thoại cho A4 để ra Ngân hàng rút tiền và đưa lại cho N2. A4 không biết gì về nguồn gốc và mục đích sử dụng số tiền nêu trên, chỉ làm theo sự chỉ đạo của N2.

- Cung Thị Thanh T4 khai: T4 được một người tên T5 (số điện thoại 01225130542) không rõ địa chỉ ở đâu thuê đứng tên một số tài khoản Ngân hàng để giao dịch chuyển tiền, mỗi tháng trả công 6 triệu đồng. Khi tiền chuyển vào tài khoản Ngân hàng của T4 thì T5 chủ yếu thực hiện các giao dịch chuyển tiền bằng Internet Banking, một số lần T4 ra Ngân hàng rút tiền và đưa lại cho T5. T4 không biết gì về nguồn gốc và mục đích sử dụng số tiền nêu trên.

- Phạm Ngọc M khai: M và D là bạn quen biết từ năm 2007. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, M có cho Bùi Văn D mượn tài khoản số 0301000337350 của M mở tại Ngân hàng V5 để D chuyển số tiền 1.765.860.000 đồng từ tài khoản số 020025291663 của D mở tại Ngân hàng S2, Đồng thời, M cũng nhờ Vũ Hồng Đ2 và Nguyễn Thị Trà M1 đều là bạn của M cho mượn số tài khoản Ngân hàng để D chuyển số tiền 1.093.800.000 đồng từ tài khoản số 020025291663 của D. Sau khi nhận được số tiền 2.859.660.000 đồng do D chuyển đến, M rút tiền mặt và chuyển lại cho một người tên T1 do D nhờ. M chỉ biết T1 là bạn của D, không biết T1 ở đâu và làm gì.

- Vũ Hồng Đ2 khai: Đ2 và Phạm Ngọc M là bạn bè quen biết nhau từ nhỏ. Năm 2015, M có nhờ Đ2 cho Bùi Văn D chuyển số tiền 1.036.400.000đ vào tài khoản số 0021002198241 của Đ2 mở tại Ngân hàng V5 - Chi nhánh H5, sau đó nhờ Đ3 rút tiền mặt và đưa cho M.

- Trần Thanh T2 khai: T2 và D là bạn quen biết từ năm 2015. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, giữa T2 và D có diễn ra việc vay mượn tiền với tổng số tiền là 566.000.000 đồng. Tất cả những khoản vay nợ giữa T2 và D đều đã được D và T2 thanh toán trả lại cho nhau hết.

- Trần Anh P1 khai: P1 và D là bạn quen biết từ năm 2008. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, giữa P1 và D có diễn ra việc vay mượn tiền với tổng số tiền là 230.000.000 đồng. Tất cả những khoản vay nợ giữa P1 và D đều đã được D và P1 thanh toán trả lại cho nhau hết. Nguồn gốc số tiền D chuyển cho P1 vay từ đâu và mục đích vay tiền của D là gì thì P1 không biết.

- Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H: Qua rà soát thông tin trên hệ thống phân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có thông tin về tài sản là bất động sản đứng tên Bùi Văn D.

- Chị Nguyễn Thị Mai H3 (vợ của Bùi Văn D) khai: Hiện nay Nguyễn Thị Mai H3 đang đứng tên 01 căn hộ chung cư P326, CT16, Đ, H, Hà Nội là nơi ăn ở của 05 thành viên trong gia đình gồm bố mẹ chồng H3, H3 và 02 con nhỏ. Nguồn tiền mua căn chung cư từ tiền bố mẹ chồng H3 cho, thu nhập của vợ chồng H3. Đối với công việc của Bùi Văn D, H3 và gia đình không được biết, thời điểm

trước khi D chết, gia đình không thấy D có biểu hiện gì bất thường, không để lại tài sản gì cho gia đình.

- Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà Lê Thị T6 - Giám đốc của Công ty E là người được ủy quyền đại diện Công ty tham gia tố tụng của vụ án, kết quả: Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2019 ngày 23/10/2019, cá nhân Huỳnh Bá V xin tự nguyện khắc phục một phần tài chính cho Công ty số tiền là 03 tỷ đồng. Sau đó ngày 02/11/2019, V đã nộp số tiền 1.000.000.000đ vào tài khoản Công ty, còn lại 02 tỷ đồng (theo cam kết) V chưa khắc phục. Công ty đề nghị Cơ quan điều tra làm rõ vụ án và V phải có trách nhiệm thực hiện cam kết nộp khắc phục cho Công ty số tiền 02 tỷ đồng.

Đối với Bùi Văn D là kế toán trưởng Công ty E trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, D đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, thực hiện lập 91 ủy nhiệm chi để chuyển số tiền 83.950.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty E (tại Ngân hàng S1, Ngân hàng G) đến tài khoản cá nhân của Bùi Văn D và Nguyễn Văn N rồi chiếm đoạt. Hành vi của D có dấu hiệu phạm tội nhưng do Bùi Văn D đã chết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 298/2023/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 285, điểm b, m, p, q, s, khoản 1; khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Huỳnh Bá V 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố Tụng hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589, Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc Huỳnh Bá V bồi thường Công ty cổ phần Đ4 số tiền 82.968.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 1.000.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 81.968.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2023, bị cáo Huỳnh Bá V có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị được hưởng án treo và được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và trình bày hoàn cảnh xảy ra vụ án là do Bùi Văn D với thủ đoạn tinh vi, lợi dụng bộ máy Công ty chưa hoàn thiện, cơ chế quản lý còn lỏng lẻo, lợi dụng sự tin tưởng của bị cáo để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty, bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi trái pháp luật của D; bị cáo tuổi đã cao, hiện đang mắc nhiều bệnh nặng, sức khỏe yếu, từ đó đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời xem xét giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Bá V về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Huỳnh Bá V là không nặng, sự việc xảy ra đặc biệt nghiêm trọng, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm; Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000.000 đồng và được người bị hại là Công ty Cổ phần Đ4; xét thấy mặc dù bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn tích cực tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại nên Công ty Cổ phần Đ4 không đề nghị bị cáo phải tiếp tục bồi thường khoản tiền còn lại, đồng thời đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Căn cứ Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Bá V, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Bá V theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại không buộc bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền còn lại.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị áp dụng thêm quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo có cơ hội được cải tạo tại địa phương để được chữa bệnh, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự, bản thân bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi trái pháp luật của Bùi Văn D, không chiếm hưởng cá nhân, vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của bị cáo Huỳnh Bá V trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các vật chứng thu giữ, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Huỳnh Bá V là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật và là

chủ tài khoản của Công ty Cổ phần Đ4, có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các hoạt động, trực tiếp quản lý tài sản của Công ty, nhưng do tin tưởng nên mỗi lần Bùi Văn D (Kế toán trưởng) trình ký tài liệu, chứng từ, V không kiểm tra lại nội dung chuyển tiền và ký luôn. Hậu quả, V đã ký 67 ủy nhiệm chi dẫn tới Bùi Văn D đã chiếm đoạt 62.750.000.000 đồng; ngoài ra, Bùi Văn D còn giả mạo chữ ký của V lập không 24 ủy nhiệm chi, chiếm đoạt 21.200.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty Cổ phần Đ4. Mặc dù vậy, Huỳnh Bá V không bàn bạc, thông đồng với Bùi Văn D chiếm đoạt số tiền trên, không được hưởng lợi gì.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Bá V về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Bá V, HĐXX thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác, cung cấp tài liệu giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; sau khi bị khởi tố đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bản thân bị cáo từng tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huy chương và là thương binh hạng $\frac{3}{4}$; quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, nhiều lần được tặng thưởng bằng khen, giấy khen; bị cáo tuổi cao, sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, m, p, q, s, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là đúng; Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000.000 đồng và được người bị hại là Công ty Cổ phần Đ4 (tại Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty); Công ty xác nhận tính đến thời điểm hiện tại, bị cáo Huỳnh Bá V đã bồi thường tổng số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty; Công ty thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn, đã cố gắng tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải của bị cáo nên không đề nghị bị cáo phải tiếp tục bồi thường khoản tiền còn lại, đồng thời đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; như vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, trên cơ sở xem xét tới nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu lại mắc nhiều bệnh nên nguy hiểm, cần có sự chăm sóc, chữa trị thường xuyên của bác sỹ, khả năng gây nguy hại cho xã hội không còn lớn; hành vi của bị cáo mặc dù là đặc biệt nghiêm trọng khi thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, để Bùi Văn D lợi dụng lòng tin và sự tặc trách trong công việc chiếm đoạt tài sản có giá trị đặc biệt lớn của Công ty, tuy nhiên, trên thực tế bị cáo không được hưởng lợi gì từ hành vi trái pháp luật của Bùi Văn D, do Bùi Văn D đã chết nên bị cáo mới phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty, đến nay bị cáo cũng đã tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại và được người bị hại không buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường, khắc phục hậu quả đối với số tiền còn lại, đồng thời xin giảm hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX có cơ sở để chấp nhận một

phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng bị cáo mà vẫn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, không làm mất đi tính phòng ngừa chung tội phạm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bị hại tại phiên tòa phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận của của HĐXX, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Bá V; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 298/2023/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Căn cứ khoản 2 Điều 285, điểm b, m, p, q, s, khoản 1; khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Huỳnh Bá V 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Bá V cho Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Huỳnh Bá V có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường 1.000.000.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm; tiếp tục bồi thường 2.000.000.000 đồng tại Tòa án cấp phúc thẩm cho người bị hại. Ghi nhận tự nguyện của người bị hại là Công ty Cổ phần Đ4 không buộc bị cáo Huỳnh Bá V phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 79.968.000.000

đồng. Xác nhận bị cáo Huỳnh Bá V đã thi hành xong về trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại.

3. Bị cáo Huỳnh Bá V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển